

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

CỦA BAN THƯỜNG VỤ THÀNH ỦY

Thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018

**của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược
phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

Thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Ban Thường vụ Thành ủy ban hành Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức quán triệt sâu sắc Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (*Nghị quyết số 36-NQ/TW*).

- Cụ thể hóa Nghị quyết số 36-NQ/TW thành các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển bền vững kinh tế biển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Yêu cầu

- Thống nhất tư tưởng, nhận thức về vị trí, vai trò và tầm quan trọng đặc biệt của biển đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong toàn Đảng bộ, toàn dân và toàn quân thành phố.

- Xác định rõ trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức Đảng và cả hệ thống chính trị của thành phố trong việc tập trung chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả Nghị quyết số 36-NQ/TW.

- Việc thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW phải trên cơ sở thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy, phát huy vai trò giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội.

- Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện; tăng cường sự phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU

1. Mục tiêu chung

Phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế, đưa Hải Phòng trở thành địa phương mạnh về biển, giàu từ biển và là trọng điểm phát triển kinh tế biển của cả nước, là hạt nhân, đầu mối giao thông quan trọng của cả nước, cửa chính ra biển của các địa phương phía Bắc và hai hành lang kinh tế Việt Nam - Trung Quốc, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Các mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Các chỉ tiêu tổng hợp: Thực hiện quản trị biển và đại dương theo Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Bộ chỉ tiêu do Chính phủ quy định; quản lý vùng bờ biển theo Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ biển và chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ.

b) Về kinh tế biển:

- Các ngành kinh tế biển phát triển bền vững, giữ vai trò quan trọng trong cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) của thành phố, góp phần đưa tỉ trọng đóng góp vào GDP cả nước đạt 8,2%; đóng góp vào GDP vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ 28,3%; kiểm soát khai thác tài nguyên biển trong khả năng phục hồi của hệ sinh thái biển.

- Đầu tư nâng cấp và xây mới cảng biển phục vụ phát triển dịch vụ vận tải biển; phấn đấu đưa sản lượng hàng hoá thông qua các cảng trên địa bàn thành phố đạt 550 - 580 triệu tấn vào năm 2030. Phát triển du lịch Hải Phòng thành trung tâm du lịch lớn của cả nước; khu du lịch Cát Bà, Đồ Sơn có khả năng cạnh tranh trong khu vực, quốc tế.

- Giá trị GRDP công nghiệp từ khu kinh tế, khu công nghiệp và cụm công nghiệp ven biển giữ vai trò quan trọng, góp phần đưa tốc độ tăng trưởng GRDP công nghiệp toàn thành phố đạt tốc độ tăng trưởng bình quân đến năm 2030 là 12% - 13%/năm.

- Ngành thủy sản được hiện đại hóa vào năm 2030, phát triển đồng bộ các lĩnh vực sản xuất và khai thác có hiệu quả vùng biển xa bờ. Hoàn thành xây dựng Trung tâm nghề cá lớn của cả nước gắn với ngư trường Vịnh Bắc Bộ. Đến năm 2030: Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất đạt 2,25%/năm (nuôi trồng và dịch vụ giống thủy sản tăng 2%/năm; khai thác tăng 3%/năm). Sản lượng thủy sản tăng

2,5 - 3,5%/năm, tăng sản lượng khai thác vùng biển xa bờ (khoảng 65% tổng sản lượng khai thác).

- Phát triển kinh tế các huyện đảo gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh.

c) Về xã hội: Chỉ số phát triển con người (HDI) của thành phố cao hơn mức trung bình của cả nước; GRDP bình quân đầu người đạt 29.900 USD; hoàn thiện hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội tại các huyện đảo Cát Hải, Bạch Long Vỹ.

d) Về khoa học, công nghệ, phát triển nguồn nhân lực biển: Trở thành trung tâm quốc tế về đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học – công nghệ với các ngành nghề hàng hải, đại dương học, kinh tế biển.

đ) Về môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng: Đánh giá được tiềm năng, giá trị các tài nguyên biển quan trọng, thiết lập bộ cơ sở dữ liệu số hoá về biển, đảo, bảo đảm tính tích hợp, chia sẻ và cập nhật. Ngăn ngừa, kiểm soát và giảm đáng kể ô nhiễm môi trường biển, giảm thiểu chất thải nhựa đại dương. Chất thải rắn đô thị, nông thôn được thu gom, xử lý công nghệ mới đạt tỷ lệ 100%. Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung vận hành đạt quy chuẩn môi trường đạt 100% từ năm 2020, khuyến khích phát triển các ngành kinh tế sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên; 100% khu kinh tế, khu công nghiệp và khu đô thị ven biển được quy hoạch, xây dựng theo hướng bền vững, sinh thái, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, có hệ thống xử lý nước thải tập trung, đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn về môi trường.

Quản lý và bảo vệ tốt các hệ sinh thái biển, ven biển và hải đảo; bảo tồn và phục hồi hệ sinh thái biển, rạn san hô, thảm cỏ biển khu vực quần đảo Cát Bà, Khu bảo tồn biển Bạch Long Vỹ. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm tiếp nhận, xử lý thông tin kịp thời, hỗ trợ ra quyết định phục vụ công tác chỉ đạo, chỉ huy ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai; nâng cao năng lực, khả năng chống chịu hệ thống đê sông, đê biển, hồ chứa nước, khu neo đậu tàu thuyền trú tránh bão; kịp thời sửa chữa, khắc phục sự cố đê điều, hồ đập, các công trình phòng chống thiên tai. Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai, đảm bảo an toàn tính mạng người dân và tài sản, giảm phát thải khí nhà kính.

3. Định hướng đến năm 2045

Hải Phòng hoàn thành công nghiệp hóa ở trình độ cao, năng suất lao động cao trong nhóm các thành phố hàng đầu Châu Á và thế giới, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao tương đương với các thành phố biển lớn trong khu vực Châu Á; trở thành trung tâm dịch vụ, công nghiệp hiện đại lớn của cả nước và khu vực Châu Á, kết nối có hiệu quả với thị trường toàn cầu; trung tâm dịch vụ biển đẳng cấp quốc tế.

4. Các lĩnh vực ưu tiên

a) Phát triển kinh tế biển

Đến năm 2030, Hải Phòng phát triển thành công, đột phá về các lĩnh vực kinh tế biển theo thứ tự ưu tiên: (i) Kinh tế hàng hải; (ii) Dịch vụ và Du lịch biển; (iii) Công nghiệp ven biển; (iv) Nuôi trồng và khai thác hải sản; (v) Kinh tế huyện đảo; (vi) Năng lượng tái tạo và ngành kinh tế biển mới, cụ thể:

(1) Kinh tế hàng hải: Xây dựng Hải Phòng trở thành trung tâm dịch vụ hàng hải và vận tải biển lớn của Việt Nam; trung tâm dịch vụ logistics quốc gia vào năm 2025 và trở thành trung tâm logistics quốc tế hiện đại vào năm 2030. Chủ động và có lộ trình thích hợp để hội nhập quốc tế trong lĩnh vực vận tải biển. Trong đó tập trung khai thác có hiệu quả các cảng biển đã được đầu tư, đẩy nhanh tiến độ xây dựng cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng, nâng cao năng lực cảng Chùa Vẽ, cảng Đình Vũ và xây dựng mới cảng khu công nghiệp Nam Đình Vũ, quân cảng Nam Đồ Sơn. Xây dựng trung tâm logistics Lạch Huyện và Nam Đình Vũ.

Thực hiện tái cơ cấu các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ vận tải biển, trong đó xác định phân khúc thị trường, loại sản phẩm, dịch vụ và chính sách chất lượng, nâng cao uy tín và khả năng cạnh tranh trên thị trường. Các doanh nghiệp phải có năng lực tài chính và kinh nghiệm khai thác vận tải biển mới được cấp giấy phép kinh doanh hàng hóa đường biển quốc tế. Tổ chức nâng cao hiệu quả quản trị kinh doanh của doanh nghiệp, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, đặc biệt công nghệ tin học, chủ động liên doanh, liên kết.

(2) Du lịch và dịch vụ biển: Rà soát và thực hiện tốt công tác Quy hoạch phát triển du lịch thành phố đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; lựa chọn tư vấn trong nước và nước ngoài có uy tín để điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển du lịch thành phố đến năm 2030, phù hợp với chiến lược phát triển du lịch Hải Phòng thành ngành kinh tế mũi nhọn.

Phát triển du lịch chất lượng cao theo hướng chuyên nghiệp, có trọng điểm; chú trọng phát triển theo chiều sâu để đảm bảo chất lượng và tính cạnh tranh. Trong đó đặc biệt coi trọng phát triển du lịch biển, đảo; lấy du lịch biển, đảo làm cơ sở, nền tảng phát triển các loại hình du lịch khác. Xây dựng du lịch biển có quy mô, tầm cỡ quốc gia, khu vực, có chất lượng; hình thành cơ sở và dịch vụ cho các sản phẩm du lịch thể thao và sinh thái biển, các sự kiện văn hóa, thể thao gắn với biển, đảo.

(3) Công nghiệp ven biển: Đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu kinh tế, khu công nghiệp và cụm công nghiệp ven biển, triển khai xây dựng khu công nghiệp chuyên sâu. Chú trọng phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm, mũi nhọn, có năng suất, giá trị gia tăng và hàm lượng khoa học - công nghệ cao, công

nghe sạch, công nghiệp biển, công nghiệp điện tử, điện gia dụng, công nghiệp hàng xuất khẩu các ngành công nghiệp hỗ trợ; sản phẩm có khả năng tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu; ưu tiên thu hút công nghiệp xanh, sử dụng hiệu quả tài nguyên, năng lượng, thân thiện với môi trường. Đẩy mạnh cải cách hành chính, đặc biệt là thủ tục liên quan đến thu hút đầu tư, môi trường kinh doanh.

Không thu hút đầu tư những dự án gây ô nhiễm môi trường, công nghệ lạc hậu và giá trị gia tăng thấp, chỉ cấp phép đầu tư mới đối với các dự án phù hợp với quy hoạch phát triển ngành, chứng minh được nguồn nguyên liệu phục vụ cho sản xuất, đáp ứng tiêu chuẩn môi trường, công nghệ tiên tiến, hiện đại. Đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, đảm bảo cơ bản các khu, cụm công nghiệp đều có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn cho phép trước khi xả thải ra môi trường.

(4) Nuôi trồng và khai thác hải sản: Cơ cấu lại ngành thủy sản, đề Hải Phòng thực sự trở thành Trung tâm nghề cá lớn của cả nước gắn với ngư trường Vịnh Bắc Bộ với các thế mạnh về nghiên cứu, chế biến, đào tạo nguồn nhân lực thủy sản và là cửa ngõ xuất khẩu sản phẩm thủy sản. Ưu tiên đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng và dịch vụ, hậu cần đồng bộ trên biển, hải đảo, đáp ứng yêu cầu nghề cá lớn: Nâng cấp hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá, hiện đại hóa các phân khu chức năng và đẩy mạnh nghiên cứu khoa học công nghệ, đào tạo nghề thủy sản, hướng tới xây dựng Trường Đại học Thủy sản tại Hải Phòng. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa - hiện đại hóa sản xuất thủy sản gắn với quá trình xây dựng nông thôn mới, đảm bảo an ninh, quốc phòng, bảo vệ chủ quyền biển đảo. Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực (đất đai, lao động, kết cấu hạ tầng...), sản xuất thủy sản hàng hóa theo chuỗi giá trị. Thành lập trung tâm kiểm soát, cứu hộ, cứu nạn tàu cá tại đảo Bạch Long Vĩ, trung tâm đăng kiểm tàu cá cấp vùng và phát triển đội tàu dịch vụ khai thác hải sản trên biển.

(5) Phát triển kinh tế huyện đảo: Xây dựng huyện Cát Hải thành trung tâm du lịch sinh thái - nghỉ dưỡng tầm quốc gia và quốc tế; trung tâm dịch vụ thủy sản và hậu cần nghề cá của Vùng duyên hải Bắc Bộ; trở thành khu dịch vụ cảng biển và vận tải biển quan trọng của thành phố và các tỉnh phía Bắc, giữ vị trí trọng yếu về an ninh, quốc phòng. Xây dựng huyện Bạch Long Vĩ phát triển bền vững về kinh tế - xã hội, vững mạnh về quốc phòng - an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền vùng biển Vịnh Bắc Bộ của Tổ quốc; xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, tăng cường phương tiện giao thông kết nối đất liền và đảo, tăng cường cung cấp điện và nước sạch để thu hút các nguồn đầu tư, khai thác tiềm năng của huyện gắn với nhiệm vụ bảo đảm an ninh, quốc phòng và phấn đấu đến năm 2025 trở thành trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá và tìm kiếm cứu nạn khu vực phía Bắc.

(6) Năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới: Dựa trên cơ sở quy hoạch, ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao thân thiện với môi trường. Tiếp thu công nghệ, kỹ thuật làm cơ sở đề xuất triển khai đầu tư xây dựng, khai thác điện gió, điện mặt trời và các dạng năng lượng tái tạo khác phù hợp với điều kiện thực tế của thành phố. Tiếp cận để phát triển một số ngành kinh tế biển mới dựa vào khai thác tài nguyên đa dạng sinh học biển như dược liệu biển, nuôi trồng và chế biến rong, tảo, cỏ biển...

b) Bảo vệ môi trường, bảo tồn, phát triển bền vững đa dạng sinh học biển; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng và phòng, chống thiên tai: Phát triển kinh tế biển phải đi đôi với bảo vệ môi trường, bảo tồn, phát triển bền vững đa dạng sinh học biển, góp phần xây dựng Hải Phòng trở thành thành phố Cảng xanh, văn minh, hiện đại, thông minh. Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai, đảm bảo an toàn tính mạng người dân và tài sản, giảm phát thải khí nhà kính. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với những thay đổi bất thường của khí hậu, thời tiết, điều kiện nước biển dâng. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ về bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng, sản xuất sạch hơn. Mở rộng hợp tác quốc tế và đẩy mạnh xã hội hoá trong công tác bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

c) Nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng văn hoá biển, xã hội gắn bó, thân thiện với biển: Nâng cao đời sống, bảo đảm an ninh, an toàn cho dân cư vùng ven biển, trên đảo và những người lao động trên biển. Phát huy bản sắc, giá trị lịch sử và văn hoá dân tộc, tri thức tốt đẹp trong ứng xử với biển, coi đây là nền tảng quan trọng để xây dựng văn hoá biển. Bảo tồn không gian văn hoá, kiến trúc và di sản thiên nhiên. Nâng cao nhận thức về biển và đại dương, xây dựng xã hội, ý thức, lối sống, hành vi văn hoá gắn bó, thân thiện với biển. Phát huy tinh thần tương thân tương ái của cộng đồng dân cư vùng biển, ven biển. Bảo đảm quyền tiếp cận, tham gia, hưởng lợi và trách nhiệm của người dân đối với biển một cách công bằng, bình đẳng.

d) Bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hợp tác quốc tế: Xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng chính quy, tinh nhuệ theo hướng hiện đại, ưu tiên hiện đại hoá một số quân chủng, binh chủng, lực lượng thực thi pháp luật trên biển và các quy định liên quan đến chống khai thác hải sản bất hợp pháp; không ngừng củng cố, tăng cường thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân khu vực biển; bảo đảm năng lực xử lý tốt các tình huống trên biển, giữ vững độc lập, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên các vùng biển.

5. Nhiệm vụ và giải pháp

a) Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về phát triển bền vững biển, tạo đồng thuận trong toàn xã hội

- Nâng cao nhận thức, tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền trong tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát quá trình triển khai thực hiện các chủ trương, giải pháp về phát triển bền vững kinh tế biển. Nâng cao hiệu quả, đa dạng hoá các hình thức, nội dung tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về biển, đảo, chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam trong toàn hệ thống chính trị, trong nhân dân thành phố.

- Nội dung tuyên truyền tập trung vào phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước: Nghị quyết số 36-NQ/TW; Luật Biển Việt Nam; Đề án tuyên truyền bảo vệ chủ quyền và phát triển bền vững biển, đảo Việt Nam giai đoạn 2018 - 2020; Hiệp định về phân định lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa trong Vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc và Hiệp định hợp tác nghề cá Việt Nam - Trung Quốc; các công ước quốc tế và thoả thuận quốc tế về biển mà Việt Nam tham gia; Chương trình hành động của Ban Thường vụ Thành uỷ, Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố, Quy hoạch, định hướng phát triển hệ thống Logistics, du lịch, công nghiệp, kinh tế thủy sản... Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức đoàn thể các cấp trong công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân giám sát và phản biện xã hội.

b) Triển khai thực hiện tốt công tác quy hoạch, kế hoạch về phát triển bền vững kinh tế biển

- Tổ chức triển khai các chủ trương của Đảng và các chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến biển, kinh tế biển; Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Quy hoạch phát triển kinh tế thủy sản thành phố Hải Phòng giai đoạn 2016 - 2025, định hướng đến năm 2030, Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 26/12/2016 của Ban Thường vụ Thành uỷ về đẩy mạnh du lịch thành phố Hải Phòng giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030, Nghị quyết 06-NQ/TU ngày 07/6/2018 của Ban Thường vụ Thành uỷ về phát triển kinh tế thủy sản, xây dựng Hải Phòng trở thành Trung tâm nghề cá lớn của cả nước gắn với ngư trường Vịnh Bắc Bộ; các định hướng của thành phố về phát triển công nghiệp, hệ thống logistics và các quy hoạch có liên quan phát triển kinh tế biển. Tiếp tục rà soát, bổ sung và xây dựng mới đồng bộ các quy hoạch, kế hoạch của thành phố, quận, huyện liên quan đến biển, đảo, quy hoạch ngành, quy hoạch hệ thống các đô thị và khu dân cư trên địa bàn, trong đó có xem xét đến việc quản lý tổng hợp, phù hợp với hệ sinh thái biển, bảo đảm sự gắn kết hài hoà, đồng bộ giữa bảo tồn và phát triển các vùng đất liền, vùng ven bờ, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa. Việc xây dựng, triển khai các quy hoạch, kế

hoạch đều phải tính đến tác động của môi trường sinh thái, biến đổi khí hậu, đặc biệt là mực nước biển dâng.

- Trên cơ sở cập nhật các dự báo, xem xét lại các khả năng hiện thực, xác định lại cơ cấu kinh tế, các chỉ tiêu kinh tế - xã hội theo hướng phát huy tiềm năng lợi thế của địa phương, phù hợp với định hướng phát triển bền vững kinh tế biển Hải Phòng.

c) Phát triển khoa học, công nghệ, tăng cường điều tra cơ bản biển

- Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ về biển, hải đảo, vùng nước sâu, xa bờ phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển, bảo vệ an ninh, trật tự và chủ quyền biển đảo. Nghiên cứu luận cứ và giải pháp, ứng dụng công nghệ mới trong phát triển các ngành kinh tế biển quan trọng đối với phát triển kinh tế xã hội thành phố như công nghiệp đóng tàu, cảng biển, nuôi trồng, đánh bắt, chế biến hải sản, dịch vụ cảng và hàng hải. Tranh thủ tối đa các kênh chuyển giao công nghệ hiện đại từ nước ngoài, đặc biệt là kênh đầu tư trực tiếp nước ngoài về hợp tác nghiên cứu biển. Phát triển thị trường khoa học - công nghệ, tạo sự liên kết giữa nghiên cứu và ứng dụng, đẩy nhanh việc đưa tiến bộ khoa học - công nghệ biển trong điều tra, dự báo, thăm dò, khai thác các loại tài nguyên biển, bảo vệ môi trường biển đảo, ven biển vào ứng dụng thực tế.

- Hình thành, xây dựng mô hình dịch vụ logistics điện tử, xây dựng cơ sở dữ liệu công nghệ thông tin phục vụ cho cộng đồng dịch vụ logistics và các giải pháp khoa học công nghệ khác nhằm phát triển hệ thống logistics của thành phố. Trong phát triển công nghiệp, khuyến khích các doanh nghiệp đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, từng bước đổi mới công nghệ thiết bị theo hướng tiên tiến, hiện đại, thân thiện môi trường, kiên quyết không nhập khẩu công nghệ và thiết bị lạc hậu, đã qua sử dụng. Ứng dụng công nghệ tiên tiến sản xuất các loại giống thủy sản sạch bệnh, có chất lượng; cải tiến ngư cụ, dự báo ngư trường, nguồn lợi thủy sản; bảo quản sản phẩm để giảm tổn thất sau thu hoạch; đổi mới dây chuyền, thiết bị chế biến hiện đại.

d) Đẩy mạnh giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực biển

- Tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức, kiến thức, hiểu biết về biển, đại dương, kỹ năng sinh tồn, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, phòng, tránh thiên tai cho học sinh, sinh viên trong tất cả các bậc học, cấp học.

- Thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo nghề, đáp ứng yêu cầu lao động của các ngành kinh tế biển và việc chuyển đổi nghề của người dân. Đổi mới việc đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức ngành du lịch chuyên sâu về chuyên môn, có thể sử dụng ngoại ngữ để giao tiếp; đào tạo đội ngũ nhân lực quản lý, khai thác trong lĩnh vực logistics có khả năng ứng dụng khoa học công

nghề mới, hiện đại. Tổ chức nhiều hình thức đào tạo nghề như đào tạo tập trung, tập huấn ngắn hạn cho các ngư dân và tập huấn về luật biển, công ước quốc tế và luật biển, phương thức giải quyết các xung đột trên biển. Có chính sách thu hút chuyên gia có trình độ cao đến Hải Phòng tham gia nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn, đảm đương các chức vụ quản lý nghiên cứu khoa học - công nghệ biển.

- Rà soát, quy hoạch lại các cơ sở giáo dục dạy nghề đáp ứng cho các ngành, lĩnh vực biển và xuất khẩu lao động; nâng cấp các cơ sở đào tạo nghề hiện có, đầu tư và xây dựng các cơ sở đào tạo mới. Thực hiện chuẩn hoá, hiện đại hoá đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực biển theo hướng bám sát nhu cầu của thị trường lao động, gắn đào tạo với giải quyết việc làm, đáp ứng yêu cầu nhân lực biển của thành phố, nhu cầu sử dụng nhân lực biển của Vùng duyên hải Bắc Bộ và xuất khẩu. Chú trọng phát triển, nâng cao chất lượng đào tạo nghề biển bậc cao đẳng, đại học trên địa bàn, nhanh chóng đạt trình độ quốc tế. Khuyến khích đa dạng hoá hợp tác, liên kết đào tạo trong và ngoài nước. Nâng cấp một số cơ quan nghiên cứu khoa học biển, y học biển, cơ sở nghiên cứu khoa học và đào tạo do các bộ quản lý trên địa bàn thành phố ngang tầm trọng điểm quốc gia.

đ) Tăng cường năng lực bảo đảm quốc phòng, an ninh, thực thi pháp luật trên biển

- Phát huy sức mạnh toàn dân, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, thể trận biên phòng toàn dân bảo vệ vững chắc chủ quyền biển đảo và an ninh quốc gia. Xây dựng khu vực phòng thủ thành phố vững chắc theo Quy hoạch thể trận quân sự trong khu vực phòng thủ thành phố; nâng cao chất lượng tổng hợp của lực lượng vũ trang thành phố. Tập trung chỉ đạo chặt chẽ công tác bảo vệ an ninh chính trị, trật tự toàn xã hội, đấu tranh, phòng chống có hiệu quả các hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, không để xảy ra điểm nóng. Các lực lượng có nhiệm vụ bảo vệ biển, đảo trên địa bàn thành phố phối hợp chặt chẽ, phát huy sức mạnh tổng hợp, tăng cường huấn luyện, diễn tập nâng cao trình độ, khả năng chiến đấu, phát huy sức mạnh tổng hợp, giữ vững độc lập, chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ vùng trời, các vùng biển và hải đảo của Tổ quốc.

- Tăng cường giáo dục quốc phòng toàn dân, tập trung tốt công tác tuyên truyền biển, đảo; các cơ quan có thẩm quyền luôn duy trì công tác nắm tình hình bảo vệ chủ quyền biển, đảo, đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn khu vực biên giới, cửa khẩu; làm tốt công tác kiểm tra, kiểm soát người, phương tiện hoạt động trên địa bàn biên giới biển. Động viên ngư dân vươn khơi, bám biển và phối hợp với các lực lượng trong nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

- Nâng cao năng lực ứng phó với các mối đe dọa an ninh truyền thống và phi truyền thống, bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh làm thất

bại mọi âm mưu lợi dụng các vấn đề về biển, đảo để chống phá. Kiên trì xây dựng và duy trì môi trường hoà bình, ổn định và trật tự pháp lý trên biển, tạo cơ sở cho việc khai thác và sử dụng biển an toàn, hiệu quả. Tăng cường và mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế, chủ động tham gia và đóng góp tích cực vào nỗ lực chung của cộng đồng quốc tế trong việc bảo tồn, sử dụng bền vững biển và đại dương; tranh thủ tối đa các nguồn lực, sự hỗ trợ quốc tế để nâng cao năng lực quản lý và khai thác biển, trong đó chú trọng các lĩnh vực khoa học, công nghệ, tri thức và đào tạo nguồn nhân lực.

- Xây dựng lực lượng vũ trang thành phố có chất lượng tổng hợp và khả năng sẵn sàng chiến đấu cao. Xây dựng đội ngũ cán bộ, chiến sĩ có phẩm chất đạo đức tốt, tuyệt đối trung thành với Đảng, Nhà nước và nhân dân; dũng cảm, mưu trí, sáng tạo, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ an ninh chính trị, chủ quyền biển, đảo của thành phố. Quan tâm đầu tư xây dựng các công trình mang tính lưỡng dụng; xây dựng các hạng mục công trình theo quy hoạch thể trận quân sự khu vực phòng thủ đã được phê duyệt, tập trung xây dựng các hạng mục công trình thuộc Sở chỉ huy các cấp và hệ thống công trình phòng thủ tuyến biển, đảo.

e) Chủ động tăng cường và mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế về biển

- Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ chủ quyền và các lợi ích hợp pháp, chính đáng của quốc gia trên biển, đồng thời chủ động, tích cực giải quyết, xử lý các tranh chấp, bất đồng trên biển bằng các biện pháp hoà bình trên cơ sở luật pháp quốc tế, nhất là Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển 1982; giữ gìn môi trường hoà bình, ổn định và hợp tác để phát triển. Thúc đẩy các hoạt động hợp tác quốc tế về quản lý, sử dụng, bảo tồn bền vững biển, đại dương; thực hiện nghiêm túc các điều ước, thoả thuận khu vực và quốc tế về biển, đại dương mà Việt Nam đã tham gia. Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác, tranh thủ sự hỗ trợ của các đối tác, các tổ chức quốc tế và khu vực để phát triển nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng vùng biển, ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại vào các ngành kinh tế biển, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Hợp tác trong khuôn khổ “hai hành lang, một vành đai kinh tế” Việt Nam - Trung Quốc, đẩy mạnh hợp tác trong phát triển cảng biển, giao thông ven biển và vận tải biển. Phối hợp với tỉnh Quảng Ninh trình tổ chức UNESCO công nhận Vịnh Hạ Long – quần đảo Cát Bà là di sản thiên nhiên thế giới; trình tổ chức Vịnh đẹp thế giới công nhận Vịnh Lan Hạ là vịnh đẹp nhất thế giới để tôn vinh và có giải pháp bảo vệ, khai thác bền vững. Duy trì và phát huy quan hệ hợp tác với thành phố Brest (Pháp) về triển khai dự án chà – rạn nhân tạo để thu hút cá, bảo vệ vùng bờ huyện Cát Hải, hỗ trợ đào tạo nghề liên quan đến biển. Phối hợp phát triển du lịch Hải Phòng với du lịch các địa phương khác, đặc biệt là trong tam giác kinh

tế Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh để xây dựng các tuyến, điểm du lịch, trong đó, Hải Phòng đóng vai trò điều phối trong vùng.

f) Huy động nguồn lực, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư cho phát triển bền vững biển

- Đầu tư có trọng điểm hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng; hỗ trợ xây dựng và chuẩn bị các dự án, quảng bá, triển khai các hoạt động xúc tiến đầu tư dự án ODA và vốn vay ưu đãi. Tập trung nguồn lực đầu tư vào các ngành dịch vụ, vận tải và du lịch biển, logistics, công nghiệp sử dụng công nghệ cao. Ưu tiên đầu tư ngân sách nhà nước cho phát triển các huyện đảo, xã đảo tiên tiêu, xa bờ.

- Đẩy mạnh thu hút nguồn lực từ các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Tranh thủ kịp thời sự ủng hộ của Chính phủ, các bộ, ngành để thu hút vốn đầu tư từ các nước có tiềm năng về vốn, công nghệ và kinh nghiệm quản lý như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Đức, Pháp và một số nước Trung Đông. Củng cố và mở rộng hợp tác với các tổ chức tài chính lớn như WB, ADB, JICA, Ngân hàng Xuất nhập khẩu Hàn Quốc,... và các tổ chức phi Chính phủ.

- Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, đổi mới, nâng cao chất lượng công tác xúc tiến đầu tư, đa dạng hóa hình thức đầu tư. Kêu gọi đầu tư, tạo cơ chế, chính sách hỗ trợ nhằm thu hút các doanh nghiệp đầu tư vốn để hình thành các tập đoàn doanh nghiệp lớn trong ngành kinh tế biển với chất lượng cao, giá thành phù hợp so với khu vực và có thể cạnh tranh với các doanh nghiệp dịch vụ nước ngoài. Áp dụng cơ chế ưu đãi, hỗ trợ khuyến khích đầu tư nhằm phát triển sản xuất hàng hóa xuất khẩu và thay thế nhập khẩu, ứng dụng công nghệ hiện đại, sản xuất nguyên phụ liệu, đẩy mạnh phát triển các hoạt động xuất khẩu dịch vụ.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng trực thuộc Thành ủy xây dựng kế hoạch thực hiện và hướng dẫn các cấp ủy đảng trực thuộc xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động này.

2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân thành phố, Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng kế hoạch thực hiện và chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai, thể chế hoá để thực hiện các nội dung của Chương trình hành động của Ban Thường vụ Thành ủy.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các đoàn thể chính trị - xã hội thành phố xây dựng kế hoạch thực hiện, tổ chức việc phổ biến đến các đoàn viên, hội viên và tầng lớp nhân dân.

4. Các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị căn cứ vào nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch chi tiết để tổ chức thực hiện các nội dung, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp liên quan đến ngành, địa phương, đơn vị bảo đảm tiến độ, mục tiêu đặt ra.

5. Giao Văn phòng Thành ủy, các ban của Thành ủy theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai, thực hiện; định kỳ báo cáo tình hình, kết quả thực hiện về Ban Thường vụ Thành ủy bổ khuyết chỉ đạo kịp thời./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng "đề báo cáo",
- Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Kinh tế Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các đảng bộ trực thuộc Thành ủy,
- Các sở, ban, ngành, MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội thành phố,
- Các đồng chí Ủy viên Thành ủy,
- Lưu Văn phòng Thành ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

BÍ THƯ



Lê Văn Thành